

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 202

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ chuẩn hóa các lĩnh vực môi trường; địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Tiếp theo Kế hoạch số 3521/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 18 thủ tục hành chính nội bộ chuẩn hóa các lĩnh vực môi trường; địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (có Danh mục và nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế các Quyết định công bố thủ tục hành chính các lĩnh vực môi trường; địa chất và khoáng sản trước đây thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lò Văn Cương

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
CHUẨN HÓA CÁC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG
SẢN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 202
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
I	Lĩnh vực Môi trường
1	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.
2	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn
3	Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng
4	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh
5	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh
6	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý
7	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch
8	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
9	Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
II	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản

1	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
2	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
I	Lĩnh vực môi trường
1	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh
2	Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường
3	Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường
4	Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg
5	Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường
6	Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này
7	Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế ứng phó sự cố chất thải ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Xây dựng dự thảo kế hoạch Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan lập, phê duyệt và thực hiện đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 2. Lấy ý kiến góp ý Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan và cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp ranh trong trường hợp cần thiết để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 3. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan đơn vị có liên quan hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Hồ sơ trình ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

Trực tiếp, trực tuyến (trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần: Tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Xây dựng dự thảo kế hoạch: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan xây dựng dự thảo duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- Bước 2. Lấy ý kiến góp ý Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện gửi dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản đảm bảo phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn.

- Bước 3. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (trên Phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần: Tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên các mẫu đơn: Không.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Khảo sát hiện trường Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch chi tiết khảo sát thực tế hiện trường, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan lập, phê duyệt và thực hiện đề án điều tra, đánh giá, xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2. Điều tra, khảo sát, lấy mẫu chi tiết Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành lấy mẫu tại hiện trường theo phạm vi phân bố hàm lượng của chất ô nhiễm tồn lưu; phân tích, đánh giá chi tiết, xác định thành phần, tính chất chất gây ô nhiễm tồn lưu, mức độ, quy mô và tác động ảnh hưởng đến môi trường. Xây dựng bản đồ khu vực ô nhiễm môi trường đất với các thông tin về chất gây ô nhiễm, mức độ ô nhiễm, phạm vi ô nhiễm.

- Bước 3. Lập báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất.

- Bước 4. Xây dựng phương án Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng phương án chi tiết xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường và xác định trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất.

- Bước 5. Công bố thông tin Sở Nông nghiệp và Môi trường công bố thông tin cho cộng đồng về kết quả xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất trên trang thông tin của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (trên Phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần: Tờ trình; kế hoạch chi tiết; báo cáo kết quả; phương án chi tiết xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phương án và báo cáo kết quả xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị có liên quan lập Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh. Nội dung chính của Đề án được quy định tại Khoản 2, Điều 124 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý

Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ dự thảo Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ

quan, đơn vị có liên quan để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- Bước 3: Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh (có Đề án kèm theo).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần: Tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành Đề án; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Đề án; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh (có Đề án kèm theo).

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng dự thảo kế hoạch

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan xây dựng dự thảo duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- Bước 2. Lấy ý kiến góp ý

Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện gửi dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản đảm bảo phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn;

- Bước 3. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần:* Tờ trình; dự thảo kế hoạch; dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

- *Số lượng hồ sơ:* Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan lập, phê duyệt và thực hiện đề án điều tra, đánh giá, xây dựng lập hồ sơ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo tờ trình, Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần:

Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

Dự thảo ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý. Hồ sơ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

Sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý trích từ đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp. Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

Báo cáo thẩm định Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Báo cáo giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh quản lý.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị xã, thành phố và các tổ chức liên quan lập, xây dựng lập hồ sơ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo tờ trình, Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần:

Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác

định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Dự thảo ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Hồ sơ vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch. Sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi cấm mốc giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch trích từ đồ án quy hoạch trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp.

Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch. Báo cáo thẩm định Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Báo cáo giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo ban hành Quyết định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch). Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập xây dựng kế hoạch

- Bước 2: Lập kế hoạch: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn lập kế hoạch

- Bước 3: Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo kế hoạch. Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện dự thảo kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh

- Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch theo ý kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- Bước 5: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch

- Bước 6: Công bố kế hoạch. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Điều 36 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

9. Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (sau đây viết tắt là kế hoạch).

- Bước 2: Xây dựng thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lập kế hoạch xây dựng nội dung thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương, dự toán nhiệm vụ

- Bước 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện các nội dung/hạng mục công việc trong nhiệm vụ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Bước 5: Tổ lựa chọn đơn vị thực hiện các nội dung nhiệm vụ

- Bước 6: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt

- Bước 7: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện nhiệm vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, trong đó sản phẩm chính là Dự thảo kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nhiệm vụ được nghiệm thu, phê duyệt hoàn thành

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

II. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

1. Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3, Điều 12, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến các Bộ có liên quan.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ chỉnh sửa hồ sơ theo ý kiến tham gia của các Bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan
- Báo cáo kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
- Bản đồ khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

d) Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 15 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản.
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

2. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và Khoáng sản.
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn. Nội dung chính của phương án được quy định tại Khoản 3, Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bước 2. Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn.

Bước 3. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, kế hoạch di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình và dự thảo phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề của Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn trình.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn (có phương án kèm theo).

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xác minh Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố trực tiếp xác minh sự cố xảy ra.

Bước 2: Công bố sự cố môi trường cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã công bố sự cố môi trường cấp xã sau khi xác minh sự cố xảy ra.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị nơi xảy ra sự cố

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố sự cố môi trường cấp xã

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi xảy ra sự cố chất thải cấp xã

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

3. Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

- Bước 2: Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị nơi xảy ra sự cố

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố môi trường cấp xã

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường cấp xã

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

4. Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

Bước 2: Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cấp xã sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị nơi xảy ra sự cố

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải cấp xã

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Sau khi kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

5. Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

trường cấp xã. cấp xã.

- Bước 2: Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp xã

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

6. Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở

a) Trình tự, cách thức thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đăng ký môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua một trong các hình thức sau:

+ Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã;

+ Qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính;

+ Bản điện tử.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của chủ dự án, cơ sở.

- Bước 3: Cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

01 bản chính văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

c) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên.

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên; Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên; Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức.

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

đ) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp quốc gia.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Mẫu văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Mẫu số 47 Phụ lục II Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

i) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Dự án đầu tư, cơ sở thuộc các nhóm I, II, III quy định tại các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường nhưng không thuộc các trường hợp sau:

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý đối với những cơ sở, dự án thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Riêng loại hình chăn nuôi gia súc, giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này; - Có phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 10 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp xả ra môi trường phải được xử lý quy định tại điểm a và điểm c khoản này với tổng lưu lượng từ 50 m³/ngày trở lên;

- Có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 2.000 m³/giờ trở lên khi đi vào vận hành chính thức;

- Có phát sinh thường xuyên chất thải nguy hại với tổng khối lượng từ 100 kg/tháng trở lên hoặc từ 1.200 kg/năm trở lên và có phát sinh nước thải hoặc khí thải phải xử lý xả ra môi trường trong quá trình vận hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ Chủ dự án đầu tư, cơ sở để xảy ra sự cố chất thải có trách nhiệm báo cáo ngay, kịp thời đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban phòng thủ dân sự cấp xã nơi xảy ra sự cố.

- Bước 2: Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án đầu tư, cơ sở để xảy ra sự cố chất thải.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên các mẫu đơn, tờ khai: Không có quy định.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Khi xảy ra sự cố chất thải tại dự án đầu tư, cơ sở.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải./.